TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161**/2019/DS - PT
Ngày 20/9/2019
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Kính**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp chia thừa kế tài sản "* và *"Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1073/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị Bạch T**, sinh năm 1961; Địa chỉ: 214 đường T4, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1964; Địa chỉ: 419 (*số cũ 38*) đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**; Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. **Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Tấn P** - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Duy H7**, Trưởng phòng Tài nguyên-Môi trường thành phố K (*Theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2017*); Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kom Tum, vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị L**; Địa chỉ: 419 (*số cũ 38*) P, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**; Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

3. Bà **Lê Thị Bích H**, sinh năm 1948; Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

4. Bà **Lê Thị Bích H1**, sinh năm 1950; Địa chỉ: USA, vắng mặt.

5. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1955 (*đã chết*).

Những người thừa kế thế vị của ông T:

5.1. Chị **Lê Thị Yến L**, sinh năm 1978, có mặt.

5.2. Chị **Lê Ngọc Quỳnh D**, sinh năm 1980, vắng mặt.

5.3. Anh **Lê Quốc Đ**, sinh năm 1983, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Ngọc Quỳnh D là bà Nguyễn Thị T1 (*mẹ đẻ của chị D*), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Quốc Đ: Chị Lê Thị Yến L; Trú tại: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

6. Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1953 (*đã chết*).

Người đại diện hợp pháp của ông N:

6.1. Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1958, có mặt.

6.2. Chị **Lê Thị Thanh P**, sinh năm 1982, vắng mặt.

Cùng trú tại: tỉnh Gia Lai. Địa chỉ liên lạc: tỉnh Đồng Nai.

Chị Lê Thị Thanh P ủy quyền cho chị Lê Thị Thanh T2 tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2017), có mặt.

6.3. Chị **Lê Thị Thanh T2**, sinh năm 1980; Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ liên lạc: thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

7. Ông **Lê Văn N1** (*đã chết*).

Những người thừa kế thế vị của ông N1:

7.1. Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1969, vắng mặt.

7.2. Anh **Lê Văn C1**, sinh năm 1971, có mặt.

Cùng trú tại: thành phố K, tỉnh Kon Tum.

7.3. Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1975; Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

Chị Lê Thị C ủy quyền cho anh Lê Văn C tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 03/12/2009), vắng mặt.

**** Những người làm chứng:***

1. Ông **Huỳnh Văn H2**. Địa chỉ: phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn L**. Địa chỉ: tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1923. Địa chỉ: tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

4. Ông **Bùi Đức T3**; Địa chỉ: tổ 7, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

* ***Người kháng cáo:*** Bị đơn - ông Lê Văn M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Thanh T2 và bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2009 và lời trình bày tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị Bạch T như sau:

Mẹ đẻ của bà là cụ Lê Thị Đ, sinh năm 1925, có 01 lô đất và căn nhà cấp 4, diện tích 171,5m^2 tại địa chỉ số 419 P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Lô đất này cụ Đ được chia thừa kế theo bản án dân sự phúc thẩm số 03/DSPT ngày 02-12-1986 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai- Kon Tum. Năm 1993, cụ Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Cụ Đ chưa chia thừa kế cho các con nhưng ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L đã lợi dụng tình trạng bị mất trí của cụ Đ để làm giả văn bản cụ Đ cho ông M, bà L nhà và đất ngày 09-3-1993, sau đó làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00524 ngày 22-02-2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Kon Tum cấp cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L. Đến năm 2008, cụ Đ chết nhưng không để lại di chúc. Ông M, bà L độc chiếm nhà, đất của cụ Đ nên bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Bà T không yêu cầu chia căn nhà cấp 4 trên đất.

Về những người được thừa kế theo pháp luật, bà T trình bày: Cha, mẹ của bà là các cụ Lê H4 và Lê Thị Đ có tất cả 08 người con, gồm:

1. Ông Lê Văn N1, đã chết. Ông N1 có 03 người con là Lê Văn C1, Lê Văn C và Lê Thị C.

2. Bà Lê Thị Bích H.

3. Bà Lê Thị Bích H1. Hiện nay đang ở Mỹ.

4. Ông Lê Văn N, đã chết vào tháng 5 năm 2008, chết sau cụ Đ khoảng 1 tháng. Có 03 con là Lê Thị Thanh T2, Lê Thị Thanh P và Lê Quốc H5. Lê Quốc H5 đã chết cách đây 3-4 năm.

5. Ông Lê Văn T, chết năm 1990. Có 03 con: Lê Thị Yến L, Lê Ngọc Quỳnh D, Lê Quốc Đ. Có vợ là bà Nguyễn Thị T1.

6. Ông Lê Văn C3, sinh năm 1959, chết trước cụ Đ. Khi chết chưa có vợ con.

7. Bà Lê Thị Bạch T.

8. Ông Lê Văn M, sinh năm 1964.

Ngoài ra, cụ Lê Thị Đ không có con nuôi và con riêng. Cha, mẹ của cụ Đ đều đã chết từ lâu. Cụ Đ không có cha, mẹ nuôi. Trước khi chết, cụ Đ không có nợ nần gì ai và cũng không có nghĩa vụ tài sản với ai.

Bị đơn ông Lê Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông M, bà L đồng ý quyền tài sản của cụ Đ trước năm 1993 là số nhà 419 P, thành phố K thuộc sở hữu của cụ Đ vì cụ Đ được chia thừa kế tài sản của cụ Lê H4 và mối quan hệ giữa anh chị em trong gia đình, các con, cháu như lời bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông M, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Nhà, đất số 419 P, thành phố K của ông, bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 00524 ngày 22-02-2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Kon Tum cấp cho ông, bà một cách hợp pháp nên không ai có quyền bán hoặc chia. Bà T trình bày cụ Đ bị mất trí nhưng không có bằng chứng, không có giấy khám bệnh của cơ quan y tế kết luận cụ Đ bị mất trí. Giấy tặng cho nhà, đất do cụ Đ ký tên đề ngày 09-3-1993 là đúng sự thực vì vợ chồng ông, bà đã nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Đ khi bị bệnh nên được mẹ tặng cho nhà, đất. Bà T không có quyền yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Hơn nữa, đây là nhà từ đường thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên nên không ai được chia.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án trình bày:

- Ý kiến bà Lê Thị Bích H:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Bạch T. Ông M là con út, sống chung và chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng cụ Đ nên vợ chồng ông M, bà L được nhận đất và nhà đó là hợp tình, hợp lý. Việc cụ Đ bị mất trí là đúng nhưng cụ Đ không mất trí hoàn toàn mà cũng có lúc tỉnh táo nên có khả năng cụ Đ viết giấy cho nhà, đất ông M, bà L trong lúc tỉnh táo. Khi cụ Đ còn sống, bà có nghe cụ Đ cho nhà, đất ông M, bà L chứ bà không biết cụ Đ có viết giấy cho hay không. Trường hợp được chia thừa kế theo pháp luật thì bà xin nhận kỷ phần của mình bằng tiền mặt. Còn về mối quan hệ các anh, chị, em và con cháu trong nhà, người sống, người chết đúng như lời bà T trình bày, bà hoàn toàn nhất trí.

- Ý kiến của chị Lê Thị Yến L:

Chị L hoàn toàn nhất trí như lời trình bày của nguyên đơn - bà Lê Thị Bạch T. Trong số các con đẻ của cụ Lê Thị Đ và cụ Lê H4 thì ông Lê Văn T là cha đẻ của chị. Ông T đã chết năm 1990. Ông T có 03 người con là chị (Lê Thị Yến L), Lê Ngọc Quỳnh D và Lê Quốc Đ. Chị L có nguyện vọng được nhận tiền mặt nếu chị, chị Quỳnh D và anh Lê Quốc Đ được chia thừa kế.

- Ý kiến của bà Lê Thị T1 và chị Lê Thị Thanh T2:

N với yêu cầu khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T như nêu trên. Trong số các con của cụ Đ thì ông Lê Văn N là cha đẻ của chị T2 và là chồng của Bà T1. Bà T1 và ông N có đăng ký kết hôn năm 1978 tại Ủy ban nhân dân phường T5, thị xã Kon Tum (nay là thành phố K). Ông N sinh năm 1953, chết tháng 5/2008, sau khi cụ Đ chết 01 tháng. Ông N và Bà T1 có 03 người con là chị (Lê Thị Thanh T2), chị Lê Thị Thanh P và anh Lê Quốc H5. Nhưng anh Lê Quốc H5 đã chết năm 2009, chưa có vợ con. Bà T1, chị T2 và chị Phương có nguyện vọng được nhận tiền mặt nếu được chia thừa kế quyền sử dụng đất nói trên theo pháp luật. Ngoài ra, chị không có yêu cầu nào khác.

- Ý kiến của anh Lê Văn C, anh Lê Văn C1 và chị Lê Thị C:

Đều N với yêu cầu khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T. Ông Lê Văn N1 là một trong các người con của cụ Lê Thị Đ và cụ Lê H4 và là cha đẻ của các anh, chị. Ông N1 đã chết năm 1972. Nếu được thừa kế thế vị thay cha đối với di sản của bà nội, các anh, chị có nguyên vọng được nhận kỷ

phần của mình bằng tiền mặt.

- *Bà Lê Thị Bích H1* hiện đang cư trú tại Mỹ, đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- *Ủy ban nhân dân thành phố K trình bày:*

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp đã được thực hiện đúng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ- CP của Chính phủ. Việc chia thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn về nội dung cụ Lê Thị Đ bị hạn chế năng lực thì bà T, bà H1 phải chứng minh được. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M, bà L gồm các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L viết ngày 23-11 -2005.

- Tờ khai xác định mốc giới và thời gian sử dụng đất do ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L viết ngày 23-11-2005.

- Biên bản xác minh tứ cận hộ nhận chuyển nhượng ngày 24/11/2005 của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L lập.

- Sơ đồ trích lục thửa đất số 79, tờ bản đồ 81 tại tổ 1, đường P, phường T5, thị xã Kon Tum do Ủy ban nhân dân phường T5 lập ngày 29/11/2005.

- Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 29/12/2005 của ông Lê Văn M. Biên bản hợp gia đình về việc cho nhà, đất ngày 24/11/2005.

- Tờ khai tiền sử dụng đất ngày 29/12/2005 của ông Lê Văn M. Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 163 và 164 ngày 12/02/2006 của Cục Thuế tỉnh Kon Tum.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 473/CNSH do Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/10/1993 cho cụ Lê Thị Đ kèm theo trích lục nhà.

- Giấy chứng nhận đã kê khai đăng ký nhà của cụ Lê H4 ngày 20/01/1978.

- Đơn xin nhận giấy tờ nhà, đất do ông Lê Văn M viết ngày 26/4/1993.

- Trích lục sổ ký thác đặc biệt ngày 03/6/1970 của hộ ông Lê H4.

- Biên bản cuộc họp gia đình về việc cho nhà, đất ghi ngày 24-11-2005.

Tại bản án dân sự thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 633, Điều 634 và Điều 675, Điều 676, Điều

677 Bộ luật dân sự 2005.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà số 419 (*số cũ 38*) tại đường P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T về yêu cầu "*Chia thừa kế tài sản" và "Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00524 ngày 22/02/2006 của UBND thị xã Kon Tum cấp cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L.

Xử: Chia thừa kế theo pháp luật trị giá quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 81 tại 419 (*số cũ 38*) P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum cho những người thừa kế của cụ Lê Thị Đ như sau:

Ông Lê Văn M được chia thừa kế số tiền 1.068.584.928 (*Một tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

Giao cho ông Lê Văn M được quyền sử dụng lô đất diện tích là 171,5 m^2 tại số 419 (*số cũ: 38*), trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa số 82 và 78 dài 13,5 +16 m.
- Phía Nam giáp thửa số 80, 90 và 91 dài 29,5m.
- Phía Đông giáp thửa 76 rộng 5,4 m.
- Phía Tây giáp đường P rộng 6,4m.

Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị Bích H số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị Bích H1 số tiền 568.584.928 (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Bích H1 số tiền 568.584.928 (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng cho ông Lê Văn M quản lý. Nếu bà Lê Thị Bích H1 có yêu cầu nhận thì ông Lê Văn M phải có trách nhiệm giao lại số tiền nêu trên cho bà Lê Thị Bích H1.

Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị Bạch T số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai*

mươi tám) đồng.

Ông Lê Văn M phải thanh toán cho chị Lê Thị Yến L, chị Lê Ngọc Quỳnh D và anh Lê Quốc Đ (*con ông Lê Văn T*) số tiền 568.584.928 (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị T1, chị Lê Thị Thanh P, chị Lê Thị Thanh T2 (*vợ, con ông Lê Văn N*) số tiền 568.584.928 (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

Ông Lê Văn M phải thanh toán cho anh Lê Văn C, anh Lê Văn C1, chị Lê Thị C (*con ông Lê Văn N1*) số tiền 568.584.928 đồng.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho những người nói trên, ông Lê Văn M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất tại 419 (*số cũ 38*) P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, bà Lê Thị Thanh T2 kháng cáo yêu cầu xem xét lại đối với nội dung bản án sơ thẩm nhận định ông M là người có công sức nuôi dưỡng cụ Đ nên ông M được hưởng trị giá 500.000.000 đồng là không đúng; vì cha bà là ông Lê Văn N nuôi, chăm sóc bà Lê Thị Đ trong thời gian 21 năm (*từ 1987 đến 4/2008*), không phải ông Lê Văn M nuôi bà Đặng.

Việc định giá tài sản tranh chấp trị giá 4.480.094.500đ là không khách quan và có lợi cho ông M là người được giao nhà đất tranh chấp.

Không xem xét căn nhà phụ mà bản án sơ thẩm số 03/DS-ST ngày 02/12/1986 của Tòa án nhân dân thị xã K đã giao cho cha bà là ông Lê Văn N.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L; bà Lê Thị Thanh T2 không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa,

trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận:

[1.1] Diện tích đất 171,5m^2, thửa số 79, tờ bản đồ số 81 tại 419 (*số cũ 38*) đường P, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum (*theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 868389 ngày 22/8/2006 của UBND thị xã Kon Tum cấp cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L*) là tài sản của cụ Đ được chia thừa kế theo bản án dân sự phúc thẩm số 03/DSPT ngày 30/6/1987 của TAND tỉnh Gia Lai - Kon Tum.

[1.2] Cụ Lê Thị Đ chết ngày 20/4/2008. Các con của cụ Đ có 08 người; gồm: Bà Lê Thị Bích H, Lê Thị Bích H1, Lê Thị Bạch T, các ông Lê Văn M, Lê Văn T (*chết năm 1990; vợ là Nguyễn Thị T1 và các con là Lê Thị Yên Linh, chị Lê Ngọc Quỳnh D và anh Lê Quốc Đ*), Lê Văn N1 (*chết năm ; vợ là và các con là anh Lê Văn C1, anh Lê Văn C và chị Lê Thị C*), Lê Văn N (*chết năm 2008; vợ là Lê Thị T1 và các con là Lê Thị Thanh P, Lê Thị Thanh T2*) và ông Lê Văn C3 (*chết không có vợ và con*).

[2] Về kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T2:

[2.1] Bản án dân sự phúc thẩm số 03/DSPT ngày 30/6/1987 của TAND tỉnh Gia Lai - Kon Tum quyết định giao cho ông Lê Văn N (*con trai cụ Đ và là cha chị Lê Thị Thanh T2*) quản lý tài sản của cụ Đ và cùng ông M nuôi bà Đặng.

Quyết định này đến nay vẫn đang có hiệu lực pháp luật và chưa có sự thay đổi. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông M cũng thừa nhận ông Lê Văn N thường xuyên sinh sống trên nhà đất số 419 (*số cũ 38*) đường P, tổ 1 phường T5, thành phố K đang tranh chấp. Lời khai thừa nhận của ông M phù hợp với lời trình bày của ông Lê Văn H6 - Tổ trưởng tổ 1, phường T5 về việc ông N sinh sống tại nhà đất tranh chấp tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2008 tại UBND phường T5: "*Tôi thừa nhận ông Lê Văn N có ở tại nhà đất 38 P*"; phù hợp với lời khai của nguyên đơn Lê Thị Bạch T: "*Khi còn sống mẹ tôi sinh sống với ông N và ông M".*

Bên cạnh đó, tại biên bản đối chất ngày 21/11/2017 các đương sự đều thừa nhận: "*Ông M và bà L là người ở và chăm sóc cụ Đ nhiều nhất từ khi ông N bị bệnh đến khi cụ Đ chết...*". Sự thừa nhận này của các đương sự đã thể hiện

ông Lê Văn N cùng ở tại nhà đất tranh chấp và cùng chăm sóc cụ Đ trong thời gian ông N chưa bị đau bệnh. Bản án sơ thẩm cũng đã nhận định ông Lê Văn N có thời gian chung sống với cụ Đ: "*Riêng ông N có thời gian chung sống với cụ Đ một thời gian...*". Vì vậy, có căn cứ xác định ông Lê Văn N cũng có công sức đóng góp quản lý, giữ gìn, bảo quản di sản và nuôi dưỡng cụ Đ cùng với ông M, bà L; ông M và bà L có công sức trong thời gian dài hơn nên được hưởng nhiều hơn; ông N có thời gian ở nơi khác, có thời gian rượu chè không nuôi dưỡng được cụ Đ là có công sức đóng góp ít hơn nên ông N được hưởng ít hơn 1/3 giá trị công sức là 150.000.000 đồng. Cho nên, kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T2 yêu cầu tính công sức của cha bà là ông Lê Văn N là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Bản án sơ thẩm số 03/DS-ST ngày 02/12/1986 của Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum tuyên giao căn nhà phụ tại 419 (*số cũ 38*) đường P, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum cho ông Lê Văn N. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã bị kháng cáo và Bản án dân sự phúc thẩm số 03/DSPT ngày 30/6/1987 của TAND tỉnh Gia Lai - Kon Tum đã quyết định sửa bản án sơ thẩm số 03/DS-ST ngày 02/12/1986 của Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum: Giao toàn bộ nhà và đất tại 419 (*số cũ 38*) đường P, phường T5, thành phố K đang tranh chấp cho cụ Đ sở hữu; trong đó có căn nhà phụ mà Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum tuyên giao cho ông Lê Văn N. Cho nên, kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết căn nhà phụ đã giao cho ông N của bà T2 không thể chấp nhận.

[2.3] Ngày 08/12/2017 Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản tranh chấp là diện tích đất 171,5m^2, thửa số 79, tờ bản đồ số 81 tại 419 (*số cũ 38*) đường P, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Turn; đã xác định giá trị thửa đất là 4.480.094.500 đồng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Việc định giá của Hội đồng định giá tài sản có sự tham dự của bà Lê Thị Thanh T2 nhưng bà T2 không có yêu cầu định giá lại hoặc cùng thỏa thuận tổ chức thẩm định giá để định giá và không có chứng cứ để chứng minh việc định giá là không khách quan, vô tư. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 08/12/2017 để xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 5 và Điều 18 Thông tư liên tịch số: 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp - Bộ tài chính.

[3] Về kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L:

[3.1] Vợ chồng ông M, bà L cho rằng khi còn sống cụ Lê Thị Đ đã tặng cho nhà đất số 419 P cho ông bà theo giấy tặng cho nhà, đất ngày 09/3/1993 nên UBND thị xã Kon Tum cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 868389 ngày 22/8/2006 cho ông bà là đúng pháp luật và đây là tài sản của ông bà.

Tuy nhiên, nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T và toàn bộ những người có quyền, nghĩa vụ liên quan (*trừ bà Lê Thị Bích H*) cho rằng khi còn sống cụ Đ bị mất trí, thường đi lang thang chưa lúc nào tỉnh táo nên không thể ký và viết giấy tặng cho ngày 09/3/1993. Lời khai nêu trên của nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với ý kiến của UBND phường T5 tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2008 (*sau khi cụ Đ chết*) về việc cụ Đ bị mất năng lực hành vi và cho rằng cụ Đ cho nhà đất ông M còn nhiều khuất tất, không được khách quan; phù hợp với lời khai của bị đơn ông Lê Văn M vào ngày 24/021987: "*ông Lê H6 là cha đẻ của tôi, cha tôi lấy mẹ tôi năm nào tôi không rõ, mẹ tôi là Lê Thị Đ đã bị mất trí năm 1964*"; phù hợp với bản tự khai của bị đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L vào ngày 10/11/2009: "*giấy tặng cho nhà và đất năm 1993 vợ chồng tôi nhận thấy là không hợp pháp vì khi tặng cho mẹ tôi không được minh mẫn. Năm 2006, vợ chồng tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn M và Nguyễn Thị L, nay vợ chồng tôi công nhận là giấy chứng nhận này không có hợp pháp về mặt pháp lý cho nên chúng tôi xin từ chối không đứng tên Lê Văn M & Nguyễn Thị L, trong quyền sử dụng đất nữa...*" và phù hợp với lời khai của bà Huỳnh Thị Khánh ngày 10/3/1987 về việc cụ Đ đã bị mất trí từ lâu nên bà Khánh quan hệ vợ chồng với ông Lê H6 và phù hợp với nội dung nhận định của bản án dân sự phúc thẩm số 03/DSPT ngày 30/6/1987 của TAND tỉnh Gia Lai - Kon Tum về cụ Đ bị mất trí nên bản án đã giao cho ông Lê Văn N quản lý tài sản cho cụ Đ. Hơn nữa, bản án dân sự phúc thẩm số 03/DSPT ngày 30/6/1987 của TAND tỉnh Gia Lai - Kon Tum đã giao cho ông N quản lý, bảo quản tài sản nhà đất được chia cho cụ Đ nhưng giấy tặng cho nhà đất của cụ Đ ngày 09/3/1993 không có sự đồng ý của ông N là không đầy đủ và không có hiệu lực. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giấy tặng cho nhà, đất ngày 09-3-1993 ký tên cụ Lê Thị Đ không hợp pháp và Quyền sử dụng đất số 419 P được xác định vẫn thuộc sở hữu của cụ Đ để chia thừa kế theo pháp luật là đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 652 và điểm b, khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.2] Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 171,5 m^2 đất tại số 419 P trị giá 4.480.094.500 đồng, sau khi trừ đi công sức chăm sóc, nuôi nấng cụ Đ và giữ gìn, bảo quản di sản số tiền là 500.000.000 đồng; số tiền còn lại là 3.980.094.500 đồng chia đều cho 07 đồng thừa kế là những người con cụ Đ là các bà Lê Thị Bích H, Lê Thị Bích H1, Lê Thị Bạch T, các ông Lê Văn M, Lê Văn T, Lê Văn N1 và ông Lê Văn N; mỗi người được hưởng kỷ phần là 568.584.928 đồng. Riêng bà Lê Thị Bích H1 hiện đang cư trú tại nước Mỹ nên kỷ phần của bà Hường tạm giao cho ông M quản lý, khi nào bà Hường có yêu cầu thì ông M phải có trách nhiệm trả lại cho bà Hường là đúng quy định tại Điều 65, Điều 613, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Gia đình ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L đã sinh sống, gắn bó và quản lý nhà đất tranh chấp từ trước và sau khi cụ Đ chết cho đến nay, hiện không còn chỗ ở nào khác và người được hưởng thừa kế đều đã có nơi ở ổn định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao đất cho ông Lê Văn M và ông M có trách nhiệm thối trả giá trị kỉ phần thừa kế cho những người thừa kế khác là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị L; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T2 về công sức đóng góp của ông Lê Văn N và sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định.

Do không chấp nhận kháng cáo nên ông M và bà L phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng và có chung yêu cầu kháng cáo nên chịu án phí phúc thẩm chung là 300.000 đồng nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp thừa được hoàn trả lại cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L. Bà Lê Thị Thanh T2 phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị L.

Chấp nhận một phần kháng cáo bà Lê Thị Thanh T2 về công sức đóng góp và sửa bản án sơ thẩm;

Áp dụng Điều 633, Điều 634 và Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật dân sự 2005.

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà số 419 (*số cũ 38*) tại đường P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T về yêu cầu "*Chia thừa kế tài sản*" và "*Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Xử:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00524 ngày 22/02/2006 của UBND thị xã Kon Tum cấp cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L.

- Chia thừa kế theo pháp luật trị giá quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 81 tại 419 (*số cũ 38*) P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum cho những người thừa kế của cụ Lê Thị Đ như sau:

+ Ông Lê Văn M được chia thừa kế số tiền 918.584.928 đồng (*Chín trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi tư ngàn chín trăm hai mươi tám đồng*).

Giao cho ông Lê Văn M được quyền sử dụng lô đất diện tích là 171,5 m^2 tại số 419 (*số cũ: 38*), trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa số 82 và 78 dài 13,5 +16 m.

- Phía Nam giáp thửa số 80, 90 và 91 dài 29,5m.

- Phía Đông giáp thửa 76 rộng 5,4 m.

- Phía Tây giáp đường P rộng 6,4m.

+ Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị Bích H số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

+ Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị Bích H1 số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám đồng)*.

Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Bích H1 số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng cho ông Lê Văn M quản lý. Nếu bà Lê Thị Bích H1 có yêu cầu

nhận thì ông Lê Văn M phải có trách nhiệm giao lại số tiền nêu trên cho bà Lê Thị Bích H1.

+ Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị Bạch T số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

+ Ông Lê Văn M phải thanh toán cho chị Lê Thị Yến L, chị Lê Ngọc Quỳnh D và anh Lê Quốc Đ (*con ông Lê Văn T*) số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám) đồng*).

+ Ông Lê Văn M phải thanh toán cho bà Lê Thị T1, chị Lê Thị Thanh P, chị Lê Thị Thanh T2 (*vợ, con ông Lê Văn N*) số tiền 718.584.928 đồng (*Bảy trăm mười tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

+ Ông Lê Văn M phải thanh toán cho anh Lê Văn C, anh Lê Văn C1, chị Lê Thị C (*con ông Lê Văn N1*) số tiền 568.584.928 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm hai mươi tám*).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho những người nói trên, ông Lê Văn M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất tại 419 (*số cũ 38*) P, tổ 1, phường T5, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn M phải chịu 39.500.000 đồng.

Bà Lê Thị Bích H, Lê Thị Bích H1 và Lê Thị Bạch T mỗi người phải chịu 26.743.397 đồng.

Bà Lê Thị Bạch T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0989 ngày 07/10/2009 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum. Như vậy bà Lê Thị Bạch T còn phải nộp tiếp là 5.743.397 đồng.

Chị Lê Thị Yến L, chị Lê Ngọc Quỳnh D và anh Lê Quốc Đ cùng phải chịu 26.743.397 đồng.

Anh Lê Văn C1, anh Lê Văn C và chị Lê Thị C cùng phải chịu 26.743.397 đồng.

Bà Lê Thị T1, chị Lê Thị Thanh P và chị Lê Thị Thanh T2 cùng phải chịu 26.743.397 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 02061 ngày 02/02/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 02060 ngày 02/02/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bà Lê Thị Thanh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà T2 được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 02062 ngày 12/02/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

4. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh